

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Phi Phi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 10 năm 2019 và ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã Nghĩa P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thành N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 106 đường Nguyễn Đình C, tổ 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-8-2019, các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Thành N sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố

Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23-02-2017. Sau khi kết hôn, chị và anh N sinh sống tại nhà của cha mẹ anh N tại số nhà 106 đường Nguyễn Đình C, thành phố Q.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh N nhiều lần đánh chị, xúc phạm chị. Khi chị sinh con được hơn một tháng tuổi, anh N cũng đánh chị trước sự chứng kiến của gia đình chị. Từ đó anh N ít quan tâm chăm sóc mẹ con chị. Sau đó hai bên gia đình gặp nhau, động viên nên chị quay về chung sống với anh N. Nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, anh N hay kiểm soát gắt gao, nhậu nhẹt, dùng những lời lẽ không tôn trọng chị, nên chị đã về nhà cha mẹ đẻ tại xã N ở từ ngày 02-6-2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Thành N.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Phạm Uyên T, sinh ngày 20-6-2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên. Trường hợp Tòa án giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 23-9-2019, các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa bị đơn là anh Võ Thành N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị T về đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, cha mẹ anh đối xử tốt với chị T. Vào khoảng tháng 7 năm 2019, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống mà không nói cho anh biết. Anh luôn cố gắng hàn gắn nhưng chị T và gia đình chị T xem thường anh. Nay, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Võ Phạm Uyên T, sinh ngày 20-6-2017. Hiện cháu T đang sống với anh tại nhà cha mẹ anh ở số nhà 106 đường Nguyễn Đình C thuộc trung tâm thành phố Q nên điều kiện của anh tốt hơn chị T, con có đủ điều kiện sinh sống, học tập, vui chơi. Chị T đi làm cả ngày và thường về trễ nên không có thời gian chăm sóc, vui chơi với con. Từ lúc cháu T ở với anh đến nay cháu T phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến cháu T thành niên, anh không đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Phạm Thị T và anh Võ Thành N;

+ Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Phạm Uyên T, sinh ngày 20-6-2017. Anh Võ Thành N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai có quyền cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có

+ Về án phí: Chị Thơ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Võ Thành N tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường Q, thành phố Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 23-02-2017 nên hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp.

Theo chị T thì sau khi kết hôn, trong quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do chị và anh N bất đồng về quan điểm sống, anh N nhiều lần đánh chị, xúc phạm chị, ít quan tâm chăm sóc vợ, con và không tôn trọng chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà cha mẹ đẻ tại xã N ở từ ngày 02-6-2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Về phía anh N cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống và vợ chồng đã sống ly thân. Tình cảm của anh với chị T hiện nay không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị T và anh Võ Thành N có một con chung tên Võ Phạm Uyên T, sinh ngày 20-6-2017. Xét yêu cầu nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T hiện nay buôn bán mỹ phẩm tại sạp trong Chợ tỉnh Q nên thu nhập ổn định, có thời gian đưa đón và chăm sóc con. Mặc dù cháu T đang ở với anh N nhưng cháu T mới hơn 28 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ và chị T đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do đó, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh Võ Thành N trình bày và các tài liệu, chứng cứ anh N cung cấp thì thu nhập bình quân hàng tháng của anh N là 14.500.000 đồng. Tuy nhiên, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng là chưa phù hợp. Căn cứ vào mức thu nhập của anh N và nhu cầu thiết yếu của cháu T, Hội đồng xét xử buộc anh Võ Thành N phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi cháu T thành niên.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị T và anh Võ Thành N đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh Võ Thành N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 144, 147, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị T và anh Võ Thành N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Võ Phạm Uyên T, sinh ngày 20-6-2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Võ Thành N phải cấp dưỡng nuôi con Võ Phạm Uyên T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi cháu Võ Phạm Uyên T thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị T và anh Võ Thành N đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001544 ngày 28-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Võ Thành N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- UBND P.Q, TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa